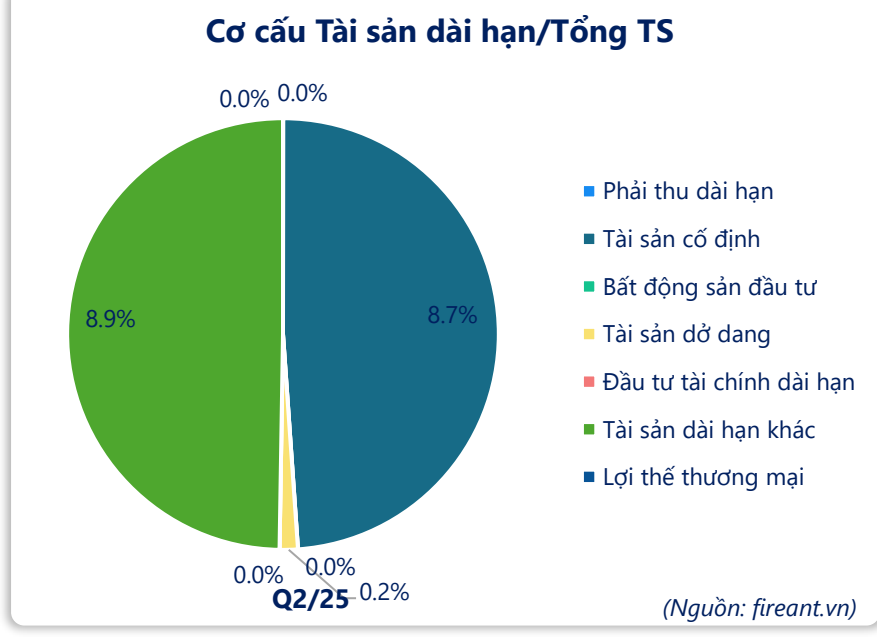
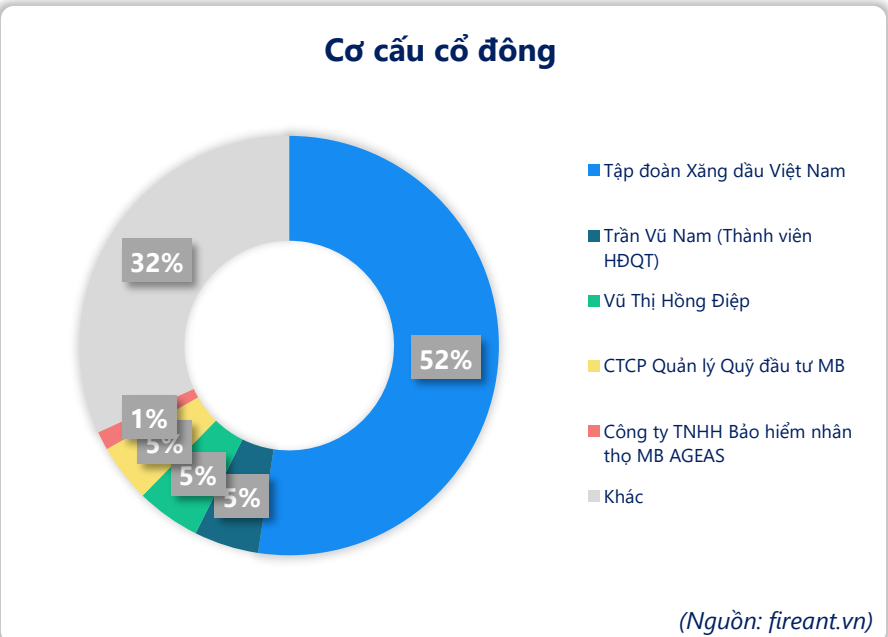
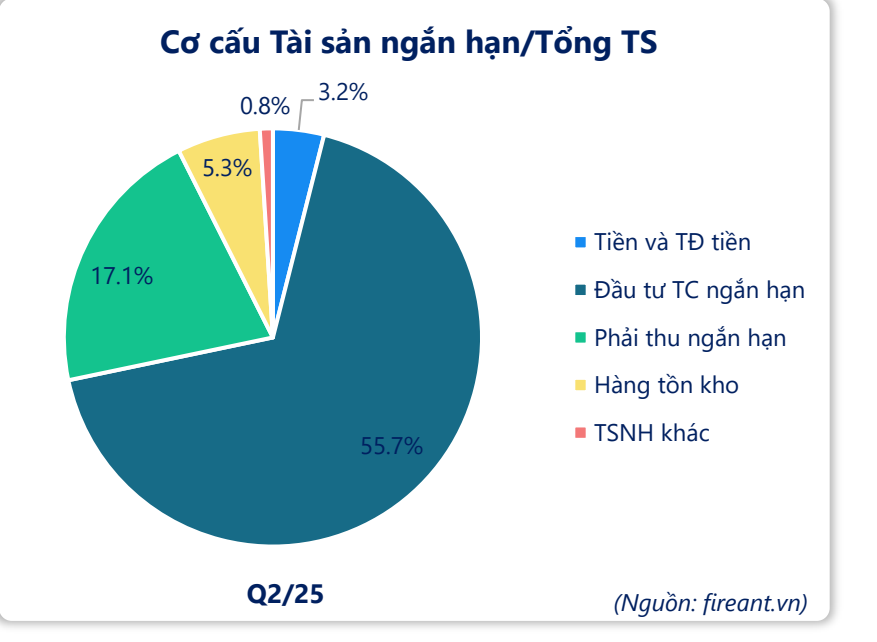
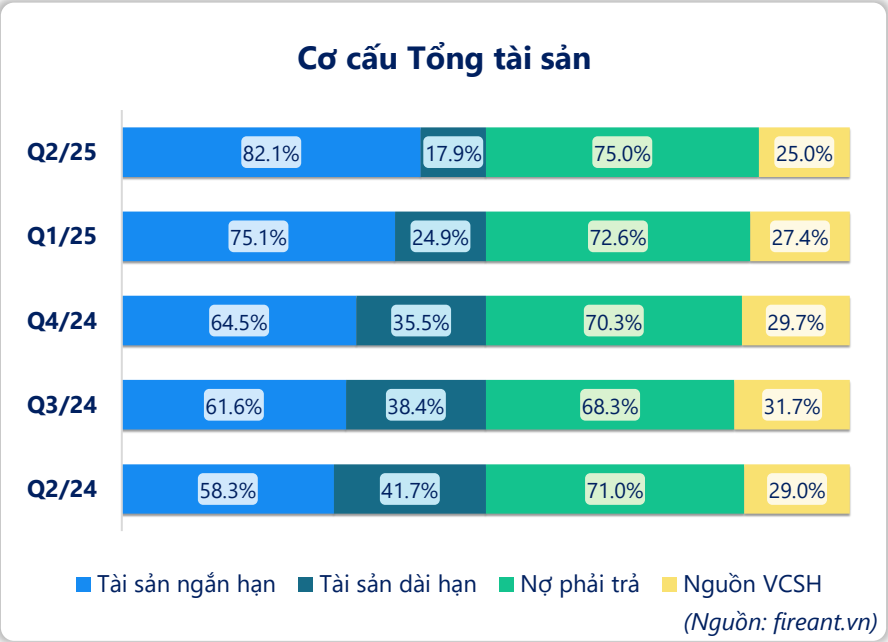
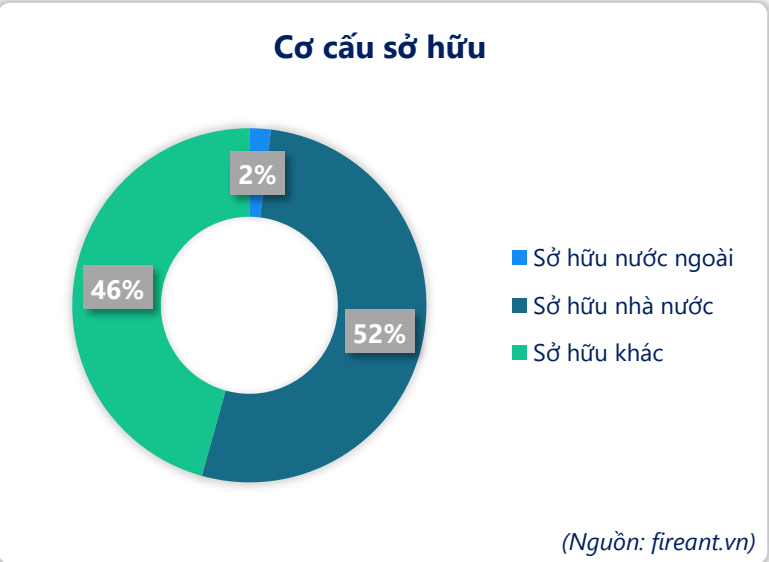
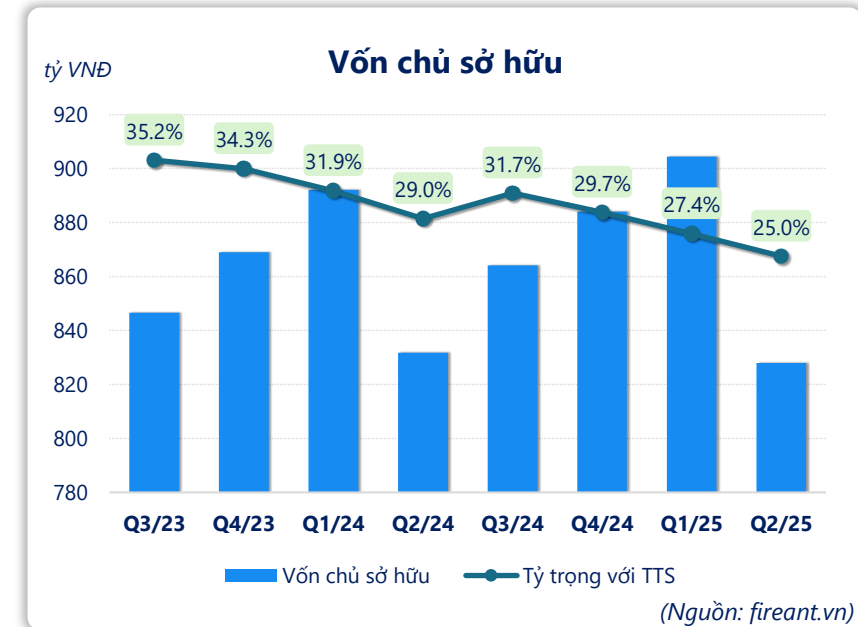
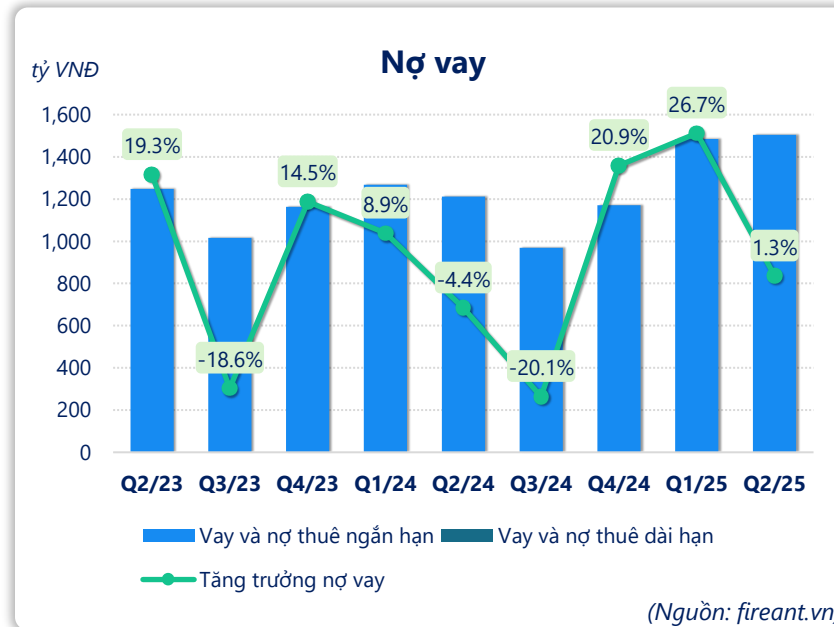
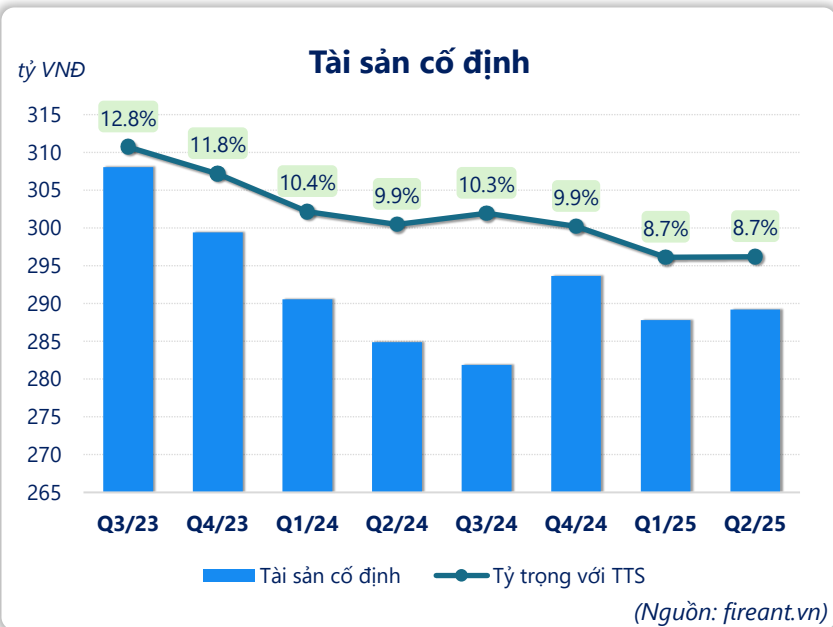
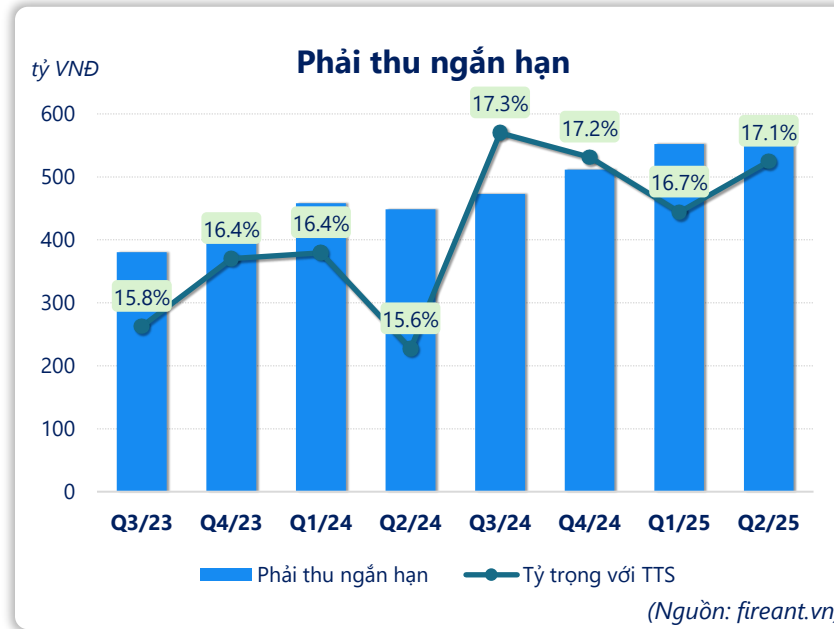
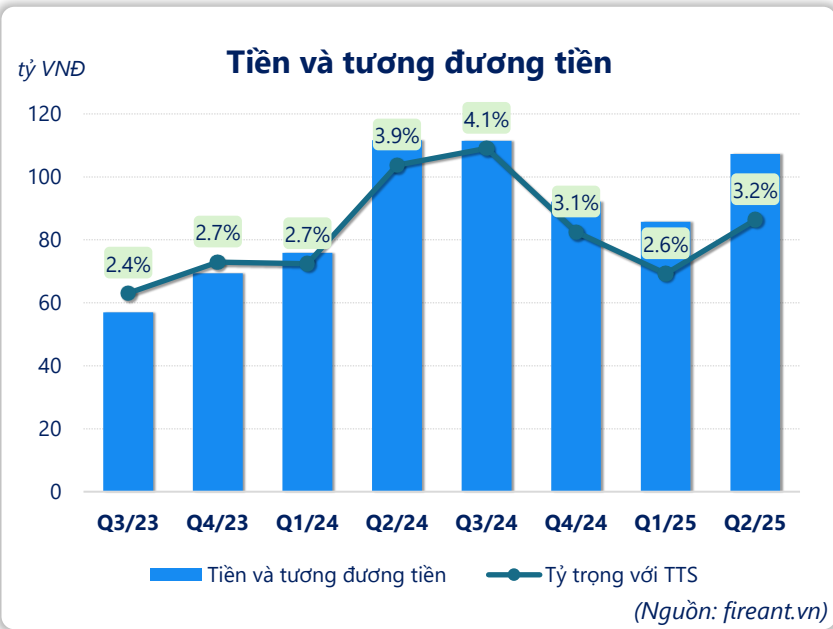
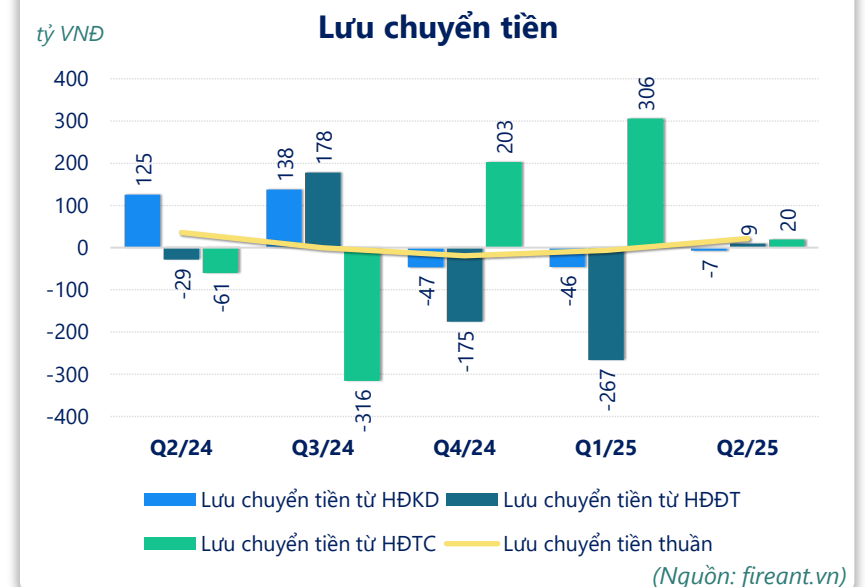
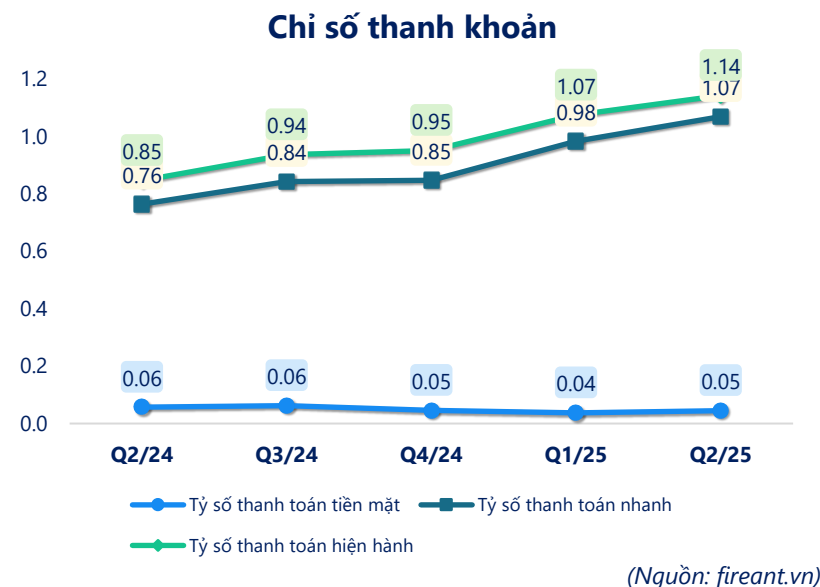
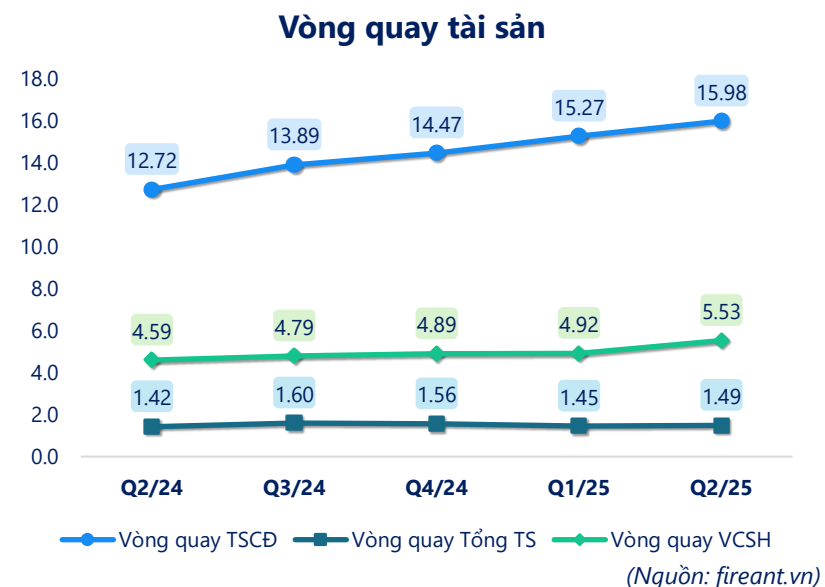
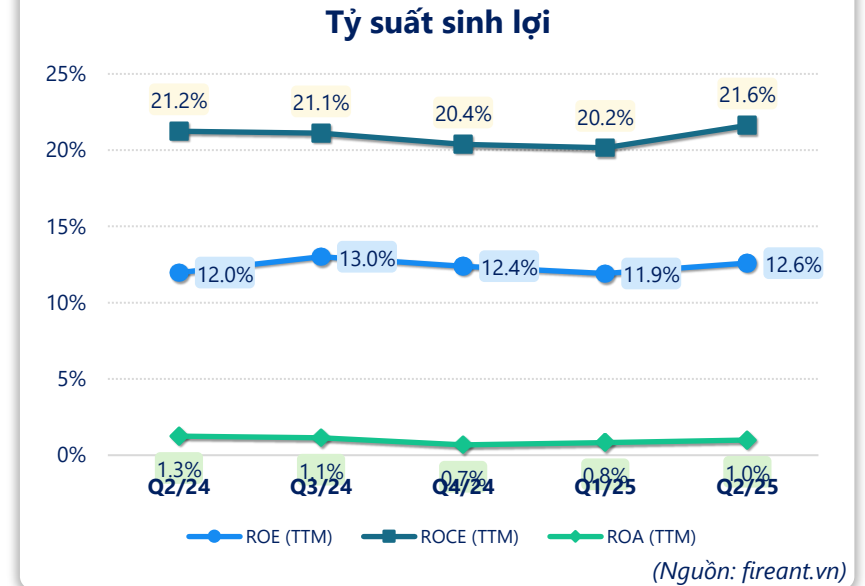
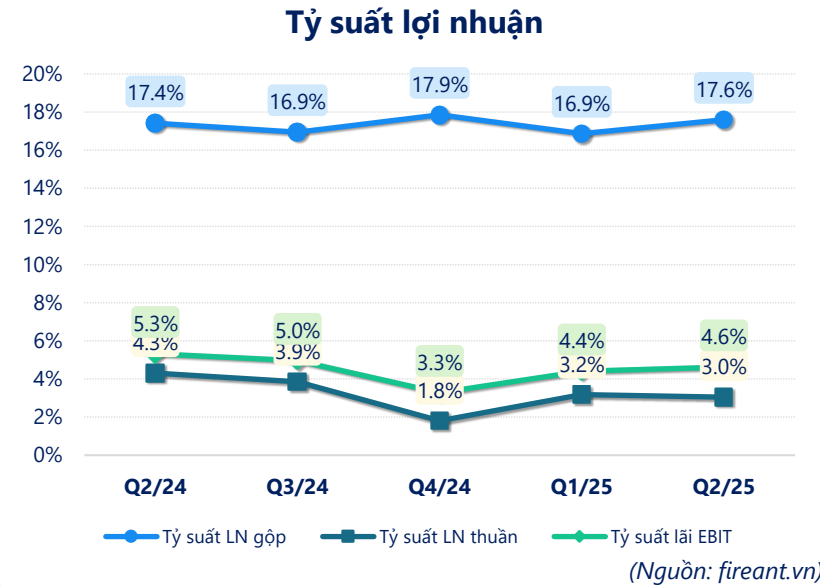
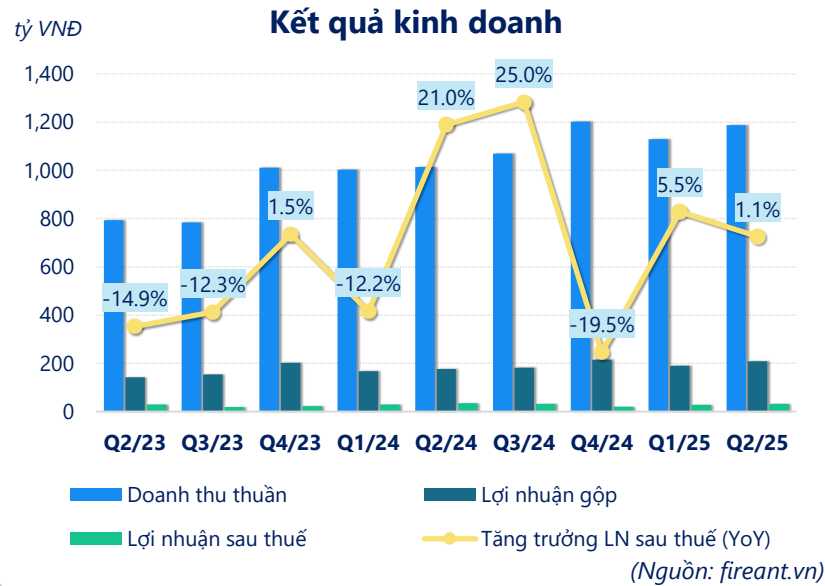


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,008
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,545
SL cổ phiếu LH		60,339,285
KLGD BQ 20 phiên (CP)		51,150
% sở hữu nước ngoài		2.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		833
P/E		8.0
EPS		1,732

	YTD	1T	3T	6T
PGC	-6.3%	-4.5%	-4.2%	-8.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,311	2,980	11.1%
Tài sản ngắn hạn	2,719	1,921	41.5%
Tiền và tương đương tiền	107	92.2	16.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,843	1,088	69.4%
Phải thu ngắn hạn	567	511	10.9%
Hàng tồn kho	175	210	-17.0%
Tài sản ngắn hạn khác	27.4	19.3	41.5%
Tài sản dài hạn	592	1,059	-44.1%
Phải thu dài hạn	0.13	0.11	16.1%
Tài sản cố định	289	294	-1.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8.07	8.44	-4.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	500	-100%
Tài sản dài hạn khác	294	256	14.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,483	2,096	18.4%
Nợ ngắn hạn	2,381	2,022	17.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,504	1,171	28.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	659	723	-8.9%
Nợ dài hạn	101	74.6	35.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	828	884	-6.3%
Vốn chủ sở hữu	828	884	-6.3%
Vốn điều lệ	603	603	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,014	1,070	1,202	1,129	1,187
Giá vốn hàng bán	837	889	987	939	978
Lợi nhuận gộp	176	181	215	190	209
Doanh thu HĐTC	21.6	28.4	20.9	26.3	25.9
Chi phí TC	13.3	11.9	18.0	17.6	20.6
Chi phí lãi vay	9.85	11.8	12.0	13.6	14.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	91.3	106	128	109	122
Chi phí QLDN	49.9	51.0	67.6	54.2	56.1
LN thuần từ HĐKD	43.7	41.3	21.7	35.9	36.2
Lợi nhuận khác	0.40	-0.06	5.67	0.21	4.10
LN trước thuế	44.1	41.2	27.4	36.1	40.3
Lợi nhuận sau thuế	34.7	32.3	19.9	28.4	31.6
LNST của CĐ cty mẹ	33.5	29.3	18.7	25.5	31.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	125	138	-46.7	-45.7	-7.48
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-28.8	178	-175	-267	9.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-60.7	-316	203	306	19.5
Tiền đầu kỳ	75.8	112	111	92.2	85.7
Lưu chuyển tiền thuần	35.8	-0.15	-19.3	-6.51	21.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	112	111	92.2	85.7	107

(Nguồn: fireant.vn)